**Mẫu số 23 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Tọa độ các điểm khép góc**

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu… |
| X(m) | Y(m) |
| Khu vực tiếp tục thăm dò |
| 12… |  |  |
| Diện tích: … ha |
| Khu vực trả lại |
| 12… |  |  |
| Diện tích: … ha |

Khung tọa độ | BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN(tên khoáng sản)…..tại khu vực (mỏ)…., xã….., huyện…., tỉnh….(Kèm theo Quyết định số......./GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường)Nền địa hìnhRanh giới khu vực thăm dòTỷ lệ:…..

|  |  |
| --- | --- |
| Người thành lập (Ký, họ tên) |  Tổ chức, cá nhân thành lập (Ký, đóng dấu) |

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...” | CHỈ DẪN |